

KẾ HOẠCH

Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Bến Tre năm 2017 - 2018, định hướng đến năm 2020

Căn cứ Nghị quyết số 19/2017/NQ-CP, ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ, về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Bến Tre năm 2017, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ kết quả công bố xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2016 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) công bố ngày 14/3/2017: chỉ số PCI tỉnh Bến Tre năm 2016 đạt 60,91 điểm, tăng 0,81 điểm, xếp hạng thứ 12/63 tỉnh/thành phố cả nước; đồng thời xếp hạng thứ 4/13 tỉnh/thành phố khu vực Đồng bằng sông Cửu Long;

Qua kết quả Hội nghị phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các Chỉ số PCI năm 2016 và đề xuất các giải pháp nâng cao trong năm 2017, nhằm tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy mạnh hoạt động doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch duy trì, cải thiện Chỉ số PCI năm 2017 – 2018, định hướng đến năm 2020, với những nội dung sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh thực sự thông thoáng, minh bạch, bình đẳng, thuận lợi để phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã tự tin, tích cực tham gia đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Nâng cao chất lượng cải cách thủ tục hành chính, tinh thần, trách nhiệm trong thực thi công vụ; phối hợp đồng bộ giữa các ngành, địa phương trong triển khai thực hiện những cơ chế, chính sách đã ban hành, giải quyết khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy chính quyền các cấp, kiến tạo môi trường khởi nghiệp sản xuất kinh doanh cho nhân dân.

2. Nâng cao nhận thức, tinh thần và trách nhiệm phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong việc tạo lập, cải thiện chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh cho người dân, doanh nghiệp, tạo động lực trong thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Duy trì, cải thiện kết quả xếp hạng Chỉ số PCI, thông qua thực hiện các giải pháp giúp duy trì ổn định các chỉ số thành phần có điểm số cao, đồng thời cải thiện mạnh mẽ các chỉ số thành phần điểm số thấp, tụt hạng so với những năm trước.

II. NHIỆM VỤ CHUNG

Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Bến Tre, các Hội, Hiệp hội có trách nhiệm:

1. Tiếp tục tổ chức quán triệt sâu rộng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về thái độ, tác phong, trách nhiệm trong thực hiện công vụ; xác định việc chung tay xây dựng chính quyền phục vụ, kiến tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho mọi người dân, doanh nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong công tác quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của từng cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ của Kế hoạch cải thiện chỉ số PCI và vai trò, tầm quan trọng của người dân, doanh nghiệp trong xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Thông tin, triển khai đầy đủ, kịp thời, phối hợp triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách của Trung ương và địa phương liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Tập trung giải pháp cải thiện các chỉ số thành phần đạt điểm số thấp trong kết quả xếp hạng PCI năm 2016, như: Cạnh tranh bình đẳng; Tính năng động; Tính minh bạch; Gia nhập thị trường; Đào tạo lao động. Tiếp tục duy trì ổn định những chỉ số thành phần đạt số điểm cao, tăng hạng, phấn đấu đến năm 2020, Chỉ số PCI tỉnh Bến Tre nằm trong Nhóm 15 tỉnh, thành phố quản lý, điều hành tốt, cụ thể như sau:

a) Cạnh tranh bình đẳng (năm 2016 xếp hạng 34/63): Tiếp tục tập trung rà soát, cải cách, nâng cao hiệu quả thực hiện thủ tục hành chính nhanh, gọn, công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người dân, doanh nghiệp an tâm đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, nhất là việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng, đất đai, thị trường, công nghệ, miễn, giảm thuế, thủ tục hành chính liên quan đến điều kiện kinh doanh, áp dụng các chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp theo quy định.

b) Tính năng động (xếp hạng 32/63): Tập trung phối hợp giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn, đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp trong hoạt

động sản xuất, kinh doanh, triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn; thường xuyên theo dõi, trao đổi, nắm thông tin tình hình hoạt động doanh nghiệp trên địa bàn, để có giải pháp hỗ trợ thúc đẩy phát triển. Từng sở ngành, theo chức năng, nhiệm vụ quản lý, tập trung rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung kịp thời các chính sách liên quan để thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh; bãi bỏ các qui định không còn phù hợp gây khó khăn, cản trở các hoạt động sản xuất, kinh doanh, sự phát triển của doanh nghiệp.

c) Tỉnh minh bạch (xếp hạng 61/63): Thường xuyên cập nhật, điều chỉnh và cung cấp thông tin quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch phát triển từng ngành, lĩnh vực trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin thành phần của các sở, ngành tỉnh và các địa phương, nhất là quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, xây dựng, cơ sở hạ tầng,.... Niêm yết công khai, minh bạch, đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tại Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” của các cơ quan, đơn vị liên quan, giúp doanh nghiệp, người dân tiếp cận, nắm bắt thông tin kịp thời. Mở rộng các kênh tiếp nhận thông tin, phương thức lấy ý kiến phản biện, góp ý của cộng đồng người dân và doanh nghiệp, để xem xét, vận dụng trong quá trình quản lý, điều hành.

d) Gia nhập thị trường (xếp hạng 26/63): Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho các dự án có vốn đầu tư ngoài ngân sách ngoài khu công nghiệp; rà soát, đơn giản hóa, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư kinh doanh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính, thiết lập hệ thống cổng thông tin, mạng hành chính điện tử mức độ 3 và 4, giúp cho việc tra cứu, tham khảo, cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp, người dân. Nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, thái độ ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, nhất là công chức, viên chức làm việc tại “Bộ phận một cửa” các cơ quan quản lý các cấp. Nâng cao hiệu quả công tác nắm thông tin, dự báo thị trường tiêu thụ, nhất là các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của tỉnh; cập nhật, tập huấn, hướng dẫn áp dụng các quy định hàng rào thuế quan thương mại của các nước nhập khẩu các sản phẩm xuất khẩu của tỉnh.

e) Đào tạo lao động: Nâng cao năng lực dự báo nhu cầu thị trường lao động trong từng ngành, lĩnh vực; đồng thời tổ chức khảo sát nắm chắc số lượng, cơ cấu, trình độ tay nghề nguồn lao động của tỉnh, để kịp thời thông tin, khuyến cáo, định hướng hoạt động hệ thống cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh cho phù hợp; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đào tạo lao động gắn với nhu cầu, địa chỉ

cụ thể để giải quyết đầu ra cho người lao động; tạo điều kiện cho các cơ sở, trung tâm, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dạy nghề, giới thiệu việc làm phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp; rà soát, vận động các nguồn tài chính hỗ trợ kinh phí học nghề cho người lao động.

3. Thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch số 2680/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020; Chương trình hành động số 4179/CTr-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

4. Tăng cường hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân hoạt động, phát triển và nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp tỉnh, phấn đấu thành lập mới khoảng 2.500 doanh nghiệp các loại hình và có khoảng 25.000 hộ kinh doanh khởi nghiệp đến năm 2020¹.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Để tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh, nâng cao chỉ số PCI tỉnh Bến Tre năm 2017 và các năm tiếp theo, đặc biệt là các chỉ số thành phần có điểm số thấp, giảm điểm trong bảng xếp hạng PCI, tỉnh tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp, cụ thể như sau:

1. Giải pháp cải thiện nhóm các chỉ số thành phần có thứ hạng thấp trên bảng xếp hạng PCI

1.1. Tính minh bạch

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Trung tâm Thông tin điện tử tỉnh Bến Tre: Thường xuyên cập nhật và cung cấp các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển từng ngành, lĩnh vực trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Cổng thông tin điện tử thành phần của các sở, ngành có liên quan. Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Cổng thông tin điện tử tỉnh, đặc biệt là mục trao đổi thông tin hữu ích giữa chính quyền tỉnh và cộng đồng doanh nghiệp; thông tin kịp thời về các giải pháp của tỉnh về việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp nhằm giúp doanh nghiệp tiếp cận, nắm bắt hiệu quả các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tận dụng tốt cơ hội đầu tư và tổ chức hoạt động nhanh chóng, thuận lợi theo đúng quy định.

¹ Mục tiêu thực hiện Chương trình Đồng khởi khởi nghiệp và Phát triển doanh nghiệp

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Thực hiện tốt vai trò đầu mối cung cấp thông tin cho nhà đầu tư, doanh nghiệp trong việc tiếp cận các thông tin về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, để giúp doanh nghiệp xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh; thường xuyên rà soát, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các chỉ số PCI còn yếu kém trong bảng xếp hạng để báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp khắc phục.

c) Cục Thuế tỉnh: Tiếp tục đẩy mạnh công tác công khai, minh bạch TTHC và chính sách về thuế, nhất là chính sách giảm thuế, giãn thuế cho doanh nghiệp, đa dạng hình thức hỗ trợ tạo điều kiện cho doanh nghiệp cập nhật kịp thời các chính sách thuế và thực hiện đúng quy định. Tiếp tục xây dựng môi trường quản lý thuế điện tử trong hệ thống thuế và hệ thống cơ quan quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP về Chính phủ điện tử ngành thuế như: khai thuế, nộp thuế điện tử; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cải cách TTHC ngành thuế; khuyến khích người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử và áp dụng hoàn thuế qua Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế.

d) Sở Thông tin và truyền thông: Tham mưu tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng hoạt động Cổng thông tin điện tử của tỉnh, các Cổng thông tin thành phần của các sở, ngành và địa phương. Tăng cường, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước nhằm tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động, nhất là trong giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân, doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi trên nhiều phương tiện khác nhau, khuyến khích ứng dụng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 và phấn đấu ứng dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 trong thời gian tới.

đ) Sở Nội vụ: Thường xuyên kiểm tra, giám sát các bộ phận có liên quan đến việc giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp, đồng thời phòng ngừa những hành vi gây khó khăn, những phiền nhiễu cho người dân, doanh nghiệp. Kiên quyết xử lý những dấu hiệu, trường hợp gây phiền hà, nhũng nhiễu, thái độ và hành vi ứng xử không phù hợp đối với người dân và doanh nghiệp. Thực hiện kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện Công văn số 1377-CV/TU của Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư về "Tiếp tục chấn chỉnh văn hóa giao tiếp nơi công sở".

e) Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ, Hiệp hội Dừa: Tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động, thể hiện tính đại diện, là cầu nối giữa

cộng đồng doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước; tích cực tham gia góp ý, đề xuất, kiến nghị tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; phản ánh cơ chế quản lý, điều hành của các sở, ngành tỉnh, của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; hỗ trợ doanh nghiệp hội viên trong quá trình hoạt động; phối hợp với các đơn vị có liên quan đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp hội viên; chủ động xây dựng và triển khai các chương trình hợp tác, liên kết hoạt động, nhằm nâng cao vai trò, khả năng liên kết, dẫn dắt doanh nghiệp hội nhập, phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế của doanh nghiệp.

f) Các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Niêm yết công khai, minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, các cơ chế, chính sách hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đúng quy định tại Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” và trên Cổng thông tin điện tử của ngành, đơn vị mình; chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể tăng cường thông tin, tuyên truyền, vận động cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân tích cực tham gia phản biện, góp ý và mở rộng các kênh tiếp nhận các ý kiến phản biện, góp ý của người dân và doanh nghiệp.

1.2. Cạnh tranh bình đẳng

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì phối hợp với các sở, ngành tỉnh, địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; rà soát, hoàn thiện các cơ chế chính sách thu hút đầu tư. Thực hiện vai trò điều phối, giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình hỗ trợ và phát triển DNNVV trên địa bàn tỉnh; đồng thời đề xuất kịp thời các giải pháp tháo gỡ các khó khăn, kiến nghị của doanh nghiệp.

Theo dõi, giám sát việc thực hiện không phân biệt đối xử các thành phần kinh tế trong việc hỗ trợ, giải quyết các vấn đề có liên quan đến doanh nghiệp, nhà đầu tư về tiếp cận quỹ đất sạch, tiếp cận vốn, công nghệ, giấy phép khai thác khoáng sản, giải quyết Thủ tục hành chính (TTHC), đấu thầu,... đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp có vốn nhà nước, doanh nghiệp dân doanh, doanh nghiệp FDI đều công bằng, cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật.

b) Sở Tư pháp: Tăng cường công tác rà soát, đơn giản hóa quy định, TTHC trên tất cả các lĩnh vực nhất là TTHC liên quan đến doanh nghiệp; rà soát, hệ thống hóa văn bản Quy phạm pháp luật (QPPL) để kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp gây khó

khăn, cản trở các hoạt động sản xuất, kinh doanh, sự phát triển của doanh nghiệp. Tăng cường hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiệu quả theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; xây dựng tài liệu pháp luật có nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến từng doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và nắm bắt thông tin; thường xuyên đưa tin, bài có nội dung liên quan đến doanh nghiệp đăng trên Bản tin Tư pháp và Website của đơn vị; đồng thời, theo dõi, hướng dẫn các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thường xuyên rà soát, hệ thống hóa các văn bản QPPL do đơn vị tham mưu, ban hành.

c) Sở Công Thương: Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về cấp phép xuất nhập khẩu, quản lý thị trường, cạnh tranh, công nghiệp hỗ trợ theo hướng thuận lợi, giảm chi phí cho doanh nghiệp theo đúng các cam kết quốc tế; đẩy mạnh Chương trình “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Tăng cường cung cấp, phổ biến thông tin và các hướng dẫn thực thi cam kết trong khuôn khổ hợp tác kinh tế quốc tế và các hiệp định kinh tế - thương mại, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để nâng cao năng lực hội nhập cho doanh nghiệp tỉnh, để tiếp cận và mở rộng thị trường xuất khẩu và đầu tư. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chiến lược tổng thể phát triển thị trường trong tỉnh giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, chú trọng phát triển hệ thống bán lẻ, thúc đẩy sản xuất và đẩy mạnh các hoạt động khuyến công. Triển khai thực hiện tốt các quy định của Trung ương về các thủ tục quản lý chuyên ngành; tăng cường điều tiết thị trường, giá cả, phòng, chống buôn lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh; đồng thời, phối hợp giải quyết kịp thời các khiếu nại đối với các vụ việc lạm dụng lợi thế độc quyền, thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật cạnh tranh.

1.3. Đào tạo lao động

a) Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất dịch vụ lao động, tạo thuận lợi cho việc tuyển dụng và sử dụng lao động; nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển dạy nghề. Nâng cao năng lực dự báo nhu cầu thị trường lao động trong từng ngành, lĩnh vực; đồng thời tổ chức khảo sát nắm chắc số lượng, cơ cấu, trình độ tay nghề nguồn lao động của tỉnh, để kịp thời thông tin, khuyến cáo, định hướng hoạt động hệ thống cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh cho phù hợp.

Tăng cường phối hợp chặt chẽ với Liên đoàn lao động tỉnh và doanh nghiệp để cung ứng lực lượng lao động qua đào tạo, đảm bảo ít nhất 80% người lao động

tim được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường. Phát triển cơ sở vật chất và nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ sở, Trung tâm Giới thiệu việc làm tỉnh. củng cố và phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn lao động kỹ thuật phục vụ chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp. Đổi mới chương trình, nội dung đào tạo ở các cấp trình độ, trang bị kiến thức, kỹ năng cho người học nghề; đồng thời quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh theo Luật Giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo thời gian tới.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, xây dựng Đề án hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp, giáo dục nghề nghiệp; chỉ đạo các cơ sở giáo dục và đào tạo đưa nội dung khởi nghiệp vào các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về khởi nghiệp; khuyến khích phát triển đa dạng cung ứng dịch vụ giáo dục đào tạo theo cơ chế thị trường gắn với việc kiểm soát chặt chẽ chất lượng và kết quả đầu ra. Thiết lập nhiều kênh tiếp nhận thông tin phản ánh của tổ chức, cá nhân về thực trạng giáo dục trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện, xử lý, giải quyết dứt điểm hành vi vi phạm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

c) Các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bến Tre: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020.

1.4. Tính năng động

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả đường dây nóng của lãnh đạo UBND tỉnh và Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh về tiếp nhận thông tin, phản hồi từ nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Tham mưu cho lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo đôn đốc các đơn vị xử lý kịp thời các đề xuất của nhà đầu tư, doanh nghiệp liên quan đến các ngành, địa phương trong thủ tục đăng ký doanh nghiệp, cấp giấy chứng nhận đầu tư.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan duy trì thường xuyên đổi mới, sáng tạo trong việc tổ chức gặp gỡ, đối thoại, họp mặt doanh nghiệp, “cà phê doanh nghiệp” để kịp thời nắm bắt thông tin, là đầu mối hỗ trợ, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; đề cao đạo đức công chức trong việc tiếp nhận giải quyết các đề xuất của nhà đầu tư và doanh nghiệp.

c) Sở Tư pháp: Chủ trì phối hợp với các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bến Tre thực hiện tham vấn ý kiến doanh nghiệp trước khi xây dựng, ban hành các văn bản QPPL có tác động đến doanh nghiệp; rà soát, hệ

thống hóa văn bản QPPL để kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp, gây khó khăn, cản trở các hoạt động sản xuất, kinh doanh, sự phát triển của doanh nghiệp. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 1196/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập đến năm 2020.

d) Sở Nội vụ: Tiếp tục tham mưu đổi mới công tác cải cách TTHC, tổ chức, bộ máy quản lý hành chính nhà nước theo hướng tinh, gọn, hiệu quả trên cơ sở lựa chọn được cán bộ, công chức có trình độ, năng lực và tinh thần, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 04/3/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh cải cách hành chính trong hệ thống chính trị giai đoạn 2016-2020. Triển khai thực hiện chế độ khảo sát về sự hài lòng của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đối với Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả”, qua đó kịp thời có những biện pháp chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, yếu kém của các sở, ban ngành tỉnh và địa phương trong việc phục vụ người dân, doanh nghiệp.

1.5. Gia nhập thị trường

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì phối hợp với các ngành, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quy định trình tự, giải quyết thủ tục hành chính về đầu tư đối với các dự án có vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; thực hiện rút ngắn tối đa thời gian cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp xuống còn 1-2 ngày (trong đó: phần đầu có ít nhất 30% hồ sơ được giải quyết trong ngày); giảm thời gian thẩm định hồ sơ dự án và trình cấp quyết định chủ trương đầu tư xuống còn từ 20-25 ngày (giảm 10-15 ngày so với quy định). Tổ chức triển khai có hiệu quả mô hình Tổ dịch vụ công cung cấp các dịch vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính và các dịch vụ khác có liên quan cho nhà đầu tư, doanh nghiệp theo cơ chế một đầu mối tại Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Khởi nghiệp; nâng cao chất lượng thẩm tra tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cấp quyết định chủ trương đầu tư nhằm hạn chế các trường hợp phải thu hồi, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư.

b) Sở Nội vụ: Thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức; tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, 4 theo mô hình Kiến trúc chính quyền điện tử và tại Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” của cơ quan hành chính các cấp; đồng thời thực hiện hiệu quả mô hình “một cửa”, “một cửa liên thông” theo Quyết định số

09/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ theo hướng văn minh, hiện đại, nhất là các đơn vị thường xuyên tiếp nhận, giải quyết các thủ tục của doanh nghiệp.

c) Sở Công Thương: Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đối tác kinh doanh, giúp doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh mở rộng thị trường xuất khẩu và thị trường nội địa; tổ chức kết nối với các hệ thống phân phối ngoài tỉnh; thường xuyên cập nhật thông tin trên website của đơn vị và tổ chức cung cấp thông tin thị trường qua Bản tin Dự báo thị trường và Bản tin Thế giới và Cây dừa, để hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường. Phối hợp tổ chức cho doanh nghiệp tham gia các hội chợ thương mại, hội chợ công nghệ cao, hội chợ đặc sản trong và ngoài nước để giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm của tỉnh; tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế và tuyên truyền về lợi ích của Cộng đồng Kinh tế Asean, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA).

d) Các sở, ngành tỉnh có liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Thông tin và Truyền thông,... chủ động phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên rà soát, đơn giản hóa các TTHC, công bố công khai, minh bạch các TTHC, biểu mẫu trên Cổng thông tin điện tử thành phần của các đơn vị để doanh nghiệp có thể tra cứu, tham khảo, tải về, điền thông tin theo yêu cầu mà không cần phải đến liên hệ tại Bộ phận một cửa.

2. Các giải pháp duy trì vị trí nhóm các chỉ số thành phần thuộc nhóm điều hành rất tốt và tốt trên bảng xếp hạng PCI

2.1. Thiết chế pháp lý

a) Đề nghị Tòa án tỉnh: Nâng cao tính chuyên nghiệp trong việc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại, phá sản doanh nghiệp; công khai các hoạt động giải quyết vụ án của ngành Tòa án và công khai các bản án; tập trung nâng chất hoạt động Tòa án nhân dân cấp cấp, trong công tác xét xử, giải quyết các vụ án, vụ việc liên quan đến hoạt động doanh nghiệp. Chú trọng kiểm tra, thanh tra nội bộ, tăng cường kỷ cương, kỷ luật công vụ để nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức Tòa án nhân dân 2 cấp. Đổi mới, nâng cao chất lượng trong khâu kiểm tra hồ sơ thụ lý, giải quyết các loại án, chú trọng công tác kiểm tra chéo trong nội bộ ngành để nâng cao trách nhiệm thẩm phán.

b) Sở Tư pháp: Thực hiện đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, thiết chế pháp lý theo quy định, đảm bảo chất lượng và hiệu quả; thúc đẩy phát triển đội ngũ quản tài viên, trọng tài và luật sư, nhất là luật sư chuyên sâu về thương mại. Thực hiện Kế hoạch số 5167/KH-UBND của Ủy ban

nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nghề luật sư, trong đó tập trung phát triển đội ngũ luật sư đủ về số lượng theo từng giai đoạn, phát triển các tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh đảm bảo đến năm 2020 có 100% đơn vị cấp huyện có tổ chức hành nghề luật sư.

2.2. Chi phí không chính thức

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Công bố “đường dây nóng” trên các phương tiện truyền thông, trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để người dân, doanh nghiệp kịp thời phản ánh các bức xúc, khó khăn đến lãnh đạo tỉnh.

b) Sở Nội vụ: Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, xử lý hoặc đề xuất xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong thi hành công vụ.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các khu công nghiệp: là các cơ quan đầu mối, thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với doanh nghiệp, nhà đầu tư, phải luôn đề cao tinh thần trách nhiệm, phục vụ của từng công chức, viên chức trong giao tiếp và làm việc với doanh nghiệp.

d) Từng sở, ngành và UBND các huyện, thành phố: Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý, của mỗi cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, nỗ lực chung nhằm góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp gây khó khăn, cản trở doanh nghiệp.

2.3. Chi phí thời gian

a) Sở Nội vụ: Định kỳ hàng năm tổ chức lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng và phản hồi của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đối với Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” tại các cơ quan đầu mối giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh có giải pháp chỉ đạo, góp phần nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với cơ quan nhà nước.

b) Thanh tra tỉnh: Chủ trì, phối hợp với thanh tra các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm không quá 01 lần/năm đối với doanh nghiệp theo Chỉ thị số 20/CT-TTg, ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp; các hoạt động thanh tra, kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm; kế hoạch thanh tra phải bám sát chương trình, kế hoạch của Thanh tra Chính phủ và thông báo trước cho doanh nghiệp theo quy định; quá trình xây dựng kế hoạch thanh tra cần phối hợp với Cục Thuế tỉnh để tránh trùng lặp, gây khó khăn cho doanh nghiệp nhằm nâng cao điểm số về chi phí thời gian.

c) Các sở, ngành tỉnh liên quan đến lĩnh vực đầu tư-kinh doanh: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Thường xuyên rà soát chất lượng hoạt động của Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả”, đảm bảo việc hướng dẫn hồ sơ, TTHC phải thực hiện một lần, đầy đủ, hợp lệ để doanh nghiệp có thể hoàn chỉnh; bố trí cán bộ, công chức có trình độ, năng lực và kỹ năng giao tiếp tốt tại Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả”, tránh tình trạng thẩm tra hồ sơ hướng dẫn thiếu để doanh nghiệp phải đi lại chỉnh sửa, bổ sung nhiều lần gây phiền hà, lãng phí thời gian và chi phí của nhà đầu tư, doanh nghiệp.

2.4. Tiếp cận đất đai

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Tổ chức công khai, minh bạch và triển khai thực hiện tốt Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Bến Tre đến năm 2020 (điều chỉnh) và Kế hoạch sử dụng đất 05 năm giai đoạn 2016-2020 của tỉnh. Xây dựng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất 05 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh; tăng cường sự phối hợp các cấp tỉnh-huyện-xã trong việc giải quyết TTHC và các vấn đề có liên quan đến đất đai cho doanh nghiệp. Rút ngắn 1/3 thời gian thực hiện TTHC về đất đai, tài nguyên, môi trường như thẩm định nhu cầu sử dụng đất và thực hiện giao đất, cho thuê đất; thẩm định nhu cầu sử dụng đất và thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất; thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (dưới 15 ngày làm việc); làm đầu mối triển khai thực hiện nhiệm vụ của Tổ vận động tạo quỹ đất phục vụ mời gọi đầu tư. Thực hiện liên thông, kết nối mạng điện tử trong giải quyết TTHC về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đăng ký đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất, giấy chứng nhận sở hữu công trình xây dựng với các thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đảm bảo thuận lợi, nhanh chóng, đúng quy định, phát huy vai trò nhiệm vụ Tổ vận động tạo quỹ đất giới thiệu cho nhà đầu tư, doanh nghiệp.

b) Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2020. Tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh quy hoạch các cụm công nghiệp phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương theo hướng ưu tiên kết nối hạ tầng hiện có. Trong năm 2017, nghiên cứu phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường vận động tạo quỹ đất để mời gọi các dự án tiềm năng như các dự án năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời...).

c) Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh: Tổ chức triển khai hiệu quả Chính sách ưu đãi đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; chủ động rà soát các dự án đầu tư trong khu công nghiệp chậm triển khai, vi phạm tiến độ thực hiện dự án để có biện pháp tháo gỡ hoặc thu hồi nếu nhà đầu tư không có khả năng thực hiện nhằm tạo quỹ đất để tìm kiếm nhà đầu tư tiềm năng khác thay thế, khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đầu tư, để đưa Khu công nghiệp Phú Thuận vào hoạt động mời gọi đầu tư. Đơn giản hóa TTHC, rút ngắn 1/4 thời gian trong giải quyết TTHC về cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư cho doanh nghiệp; rà soát và nâng chất các khâu liên quan đến cấp giấy chứng nhận đầu tư cho doanh nghiệp; phối hợp với các đơn vị liên quan cung cấp tốt nhất các dịch vụ công cho doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp, nhất là các thủ tục hành chính liên quan đến đất đai, môi trường, phòng cháy chữa cháy, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

d) Cục Thuế tỉnh: Phối hợp giải quyết các TTHC liên quan đến việc hướng dẫn thực hiện các chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất, giao đất và cho thuê đất đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp.

2.5. Hỗ trợ doanh nghiệp

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ động tham mưu, đề xuất các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể hóa thực hiện tốt Chương trình số 10/TU của Tỉnh ủy về Đồng Khởi khởi nghiệp và Phát triển doanh nghiệp; tổ chức lấy ý kiến, khảo sát nhu cầu đào tạo và tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; làm đầu mối hỗ trợ xuyên suốt cho doanh nghiệp trước, trong và sau cấp giấy phép. Rà soát tiến độ thực hiện các dự án đã cấp quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, kịp thời hỗ trợ tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn để sớm đưa dự án đi vào hoạt động ổn định; theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở các dự án triển khai chậm tiến độ, để có giải pháp hỗ trợ; đồng thời đề xuất thu hồi quyết định chủ trương đầu tư đối với những dự án không triển khai thực hiện theo đúng cam kết; thường xuyên liên hệ phối hợp với VCCI để tiếp cận các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và triển khai lại cho địa phương.

Tiếp tục thực hiện tốt các mô hình gặp gỡ, đối thoại chuyên đề, cà phê doanh nghiệp, diễn đàn đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp và với hợp tác xã trên địa bàn để kịp thời giải quyết nhanh, dứt điểm những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Công Thương: Tăng cường công tác hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường, xúc tiến thương mại, tham dự các hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm để mở rộng thị trường trong và ngoài nước, các dự án khuyến công và xúc

tiến thương mại đạt hiệu quả theo Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và xử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Bến Tre và Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bến Tre.

c) Sở Khoa học và công nghệ: Tập trung triển khai cơ chế, chính sách KHCCN hỗ trợ doanh nghiệp, hướng dẫn và tạo điều kiện để doanh nghiệp tham gia Dự án hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bến Tre giai đoạn 2013-2020 gắn với hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ; khuyến khích và hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; tổ chức ươm tạo khoa học, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ; thúc đẩy mối liên kết giữa nhà khoa học - tổ chức khoa học công nghệ - doanh nghiệp - nhà nước - nông dân; đồng thời quan tâm hỗ trợ thúc đẩy hoạt động sáng kiến của người dân, doanh nghiệp

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì rà soát, điều chỉnh, bổ sung và tổ chức công khai các quy hoạch ngành nông nghiệp; đơn giản hóa TTCC trong giải quyết kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật, cấp Giấy chứng nhận tàu khai thác thủy sản, quy trình về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm nông thủy sản, cấp Giấy chứng nhận chất lượng giống. Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện xây dựng chuỗi giá trị đối với 08 sản phẩm nông nghiệp² chủ lực của tỉnh theo Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 05/8/2016 của Tỉnh ủy.

đ) Sở Tư pháp: Chủ trì phối hợp thực hiện hiệu quả cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP, ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được ban hành kèm theo Quyết định số 2458/QĐ-UBND, ngày 13/10/2009 của UBND tỉnh.

e) Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bến Tre: Tiếp tục kiện toàn, trang bị dịch vụ hỗ trợ trực tuyến trên website của từng cơ quan, đơn vị nhằm tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết khó khăn, vướng mắc nhanh chóng, hiệu quả. Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về thái độ, trình độ nghiệp vụ, nhận thức và kỹ năng, hành vi ứng xử để đáp ứng nhu cầu cho người dân, doanh nghiệp; thường xuyên tuyên truyền, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ, nhất là tinh thần phục vụ người dân và doanh nghiệp.

f) Báo Đồng Khởi, Đài Phát thanh và Truyền hình: Tăng cường tuyên truyền các chủ trương, chính sách liên quan đến môi trường đầu tư kinh doanh

² Gồm: Bưởi da xanh, chôm chôm, nhãn, hoa kiểng, heo, bò, tôm biển và dứa

để cộng đồng doanh nghiệp kịp thời nắm bắt, thực hiện. Hỗ trợ công tác truyền thông về các hiệp hội, ngành hàng, sản phẩm, thương hiệu, Marketing sản phẩm doanh nghiệp... nhằm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp. Tiếp nhận thông tin, theo dõi, phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc và ý kiến của doanh nghiệp, người dân trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo điều kiện hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

g) Thanh tra tỉnh: Chủ trì tham mưu xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg, ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển; không để xảy ra tình trạng thanh tra, kiểm tra quá 01 lần/năm đối với doanh nghiệp, tránh trùng lặp, chồng chéo trong quá trình thanh tra, kiểm tra.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố Bến Tre

- Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, xây dựng Kế hoạch cụ thể của ngành, địa phương để triển khai thực hiện (gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 06 tháng 11 năm 2017 để theo dõi, tổng hợp báo cáo theo quy định). Nội dung kế hoạch hành động phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, đơn vị chủ trì và dự kiến các bước thực hiện để cải thiện các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Thủ trưởng các đơn vị, chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Kế hoạch; theo dõi kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện; có giải pháp xử lý phù hợp, kịp thời và linh hoạt; đồng thời kiến nghị, đề xuất những giải pháp chỉ đạo, điều hành hiệu quả nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Định kỳ hàng quý (trước ngày 10 của tháng cuối quý), năm (trước ngày 05 tháng 12), các đơn vị, địa phương tổng hợp báo cáo, đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo định kỳ theo quý, năm về Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng UBND tỉnh

Theo dõi, đôn đốc các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bến Tre triển khai thực hiện Kế hoạch; đề xuất giải quyết những vướng mắc, kiến nghị liên quan.

Trên đây là Kế hoạch hành động cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Bến Tre năm 2017 - 2018, định hướng đến năm 2020. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bến Tre triển khai thực hiện tốt./.

Nơi nhận:

- Văn phòng CP I, II;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Phòng TM-CN VN (VCCI);
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- MTTQ và các Đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các PCV;
- Phòng: TCĐT, TH, KT, NC, NgV;
- TTTTĐT;
- Lưu: VT, TK.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Văn Trọng